

DANH SÁCH LỚP 10A1 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH1): Hóa học, Sinh học, Công nghệ trồng trọt, Tin học

Cụm chuyên đề: Toán, Hóa học, sinh học

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	NGUYỄN LÊ KHÁNH AN	Nữ	12/9/2009	Phong Nẫm	29.8
2	LÊ NGỌC ANI	Nữ	15/9/2009	Thị Trấn	32.08
3	BÙI NGỌC ÁN	Nam	24/1/2007	Moncada	47.6
4	VĂN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	24/12/2009	Thuận Điền	27.5
5	VÕ VĂN ĐỨC	Nam	25/3/2009	Châu Bình	30.25
6	NGUYỄN THANH HÀ	Nữ	9/8/2009	Lương Quới	31.43
7	HUỲNH NGỌC HÂN	Nữ	31/1/2009	Lương Quới	43.08
8	LÊ NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	27/5/2009	Châu Bình	27.28
9	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	8/1/2009	Châu Hòa	44.65
10	NGUYỄN TUẤN KIẾT	Nam	3/7/2009	Thuận Điền	42.53
11	HUỲNH KHẢ KỲ	Nữ	12/12/2009	Phạm Viết Chánh	43.25
12	NGUYỄN VÕ ANH KHOA	Nam	5/11/2009	Phong Nẫm	27.1
13	LÊ PHAN THÀNH KHÔI	Nam	23/12/2009	Lương Quới	51.6
14	BÙI TẤN LỘC	Nam	8/2/2009	THCS Phạm Viết Châm	26.9
15	NGUYỄN GIA LỘC	Nam	24/8/2009	THCS Phong Nẫm	32
16	NGUYỄN XUÂN NHI	Nữ	27/10/2009	THCS Phạm Viết Chánh	31.9
17	ĐOÀN QUỲNH NHƯ	Nữ	24/2/2009	Thị trấn	29.85
18	NGUYỄN BẢO MINH PHƯƠNG	Nữ	16/10/2009	Phong Nẫm	43.53
19	TÔNG HỒNG PHƯƠNG	Nữ	22/6/2009	Lương Quới	36.63
20	VÕ THY QUYẾN	Nữ	14/4/2024	THCS Châu Hoà	43.28
21	CAO PHƯƠNG NHẢ QUỲNH	Nữ	25/11/2009	Phong Nẫm	39.45
22	TRẦN NGUYỄN NGỌC TÚ	Nữ	17/9/2009	Thuận Điền	29.4
23	TRẦN NGỌC CÁT TƯỜNG	Nữ	1/5/2009	Phong Nẫm	34.33
24	NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM	Nữ	30/7/2009	Lương Quới	39.29
25	NGUYỄN HOÀNG THỊNH	Nam	13/3/2009	BT	27.3
26	NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	12/6/2009	Châu Bình	28.93
27	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	3/12/2009	Phong Nẫm	37.88
28	TRẦN HOÀNG QUỐC VINH	Nam	10/7/2009	Thuận Điền	30
29	HUỲNH MỸ VY	Nữ	20/9/2009	phong nẫm	27.9
30	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	27/6/2009	Phong Nẫm	39.08
31	HUỲNH CHÍ ĐẠT	Nam	3/7/2009	Phạm Viết Chánh	33.53
32	TRẦN ĐỨC DUY	Nam	17/9/2009	THCS Lương Quới	29.48
33	LÊ TRUNG HIẾU	Nam	19/6/2009	Moncada	39.25
34	NGUYỄN MINH BẢO	Nam	22/12/2009	Phong Nẫm	35.2
35	NGUYỄN THANH TOẢN	Nam	16/12/2009	Châu Bình	33.63
36	TRẦN THỊ THÚY AN	Nữ	14/9/2009	Thị Trấn	32.5
37	ĐÌNH NGUYỄN QUỐC VINH	Nam	3/4/2009	Lương Quới	30.53
38	HUỲNH THỊ BẢO TRẦN	Nữ	3/10/2009	Phạm viết chánh	34.20
39	LÊ HOÀNG PHI	Nam	8/12/2009	Hưng Lễ	31.8
40	NGUYỄN MINH MẶN	Nam	19/5/2009	Phước Long	31.45
41	NGUYỄN NHẬT ĐĂNG	Nam	28/9/2009	Phạm Viết Chánh	50.85



DANH SÁCH LỚP 10A2 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH2): Vật lý, Hóa học, Thiết kế và công nghệ, Tin học

Cụm chuyên đề: Toán, Vật lý, Hóa học

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	NGUYỄN HUỖNH KHẢ ÁI	Nữ	31/12/2009	Thuận Điền	34.9
2	NGUYỄN HUỖNH ANH	Nữ	7/7/2009	Lương Quới	31.73
3	LÊ ĐỨC BẢO	Nam	7/6/2009	Phong Năm	42.78
4	PHẠM NGỌC KIM CƯƠNG	Nữ	11/9/2009	Lương Quới	37.75
5	NGUYỄN HOÀNG DANH	Nam	2/2/2009	Phạm Viết Chánh	43.95
6	NGUYỄN QUỐC DŨNG	Nam	18/2/2009	Lương Quới	49.63
7	NGUYỄN LÂM BẢO DUY	Nam	16/3/2009	Phong Năm	37.4
8	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	11/12/2009	Lương Quới	31.85
9	ĐOÀN HỮU BẢO GIA	Nam	3/9/2009	Phạm Viết Chánh	38.33
10	VÕ THỊ THUY HẰNG	Nữ	28/9/2009	Moncada	43.23
11	LÊ NHÃ HÂN	Nữ	8/6/2009	Châu Hòa	47.18
12	BÙI MINH HUÂN	Nam	6/11/2009	Phạm Viết Chánh	36.33
13	NGUYỄN THANH HUY	Nam	21/5/2009	Châu Hoà	41.6t
14	HUỖNH NGỌC GIA HƯNG	Nam	13/2/2009	Lương Quới	35.03
15	LÊ ANH THƯ KỶ	Nữ	9/12/2009	Bình Thành	37.88
16	NGUYỄN PHÚC KHANG	Nam	6/9/2009	Châu Bình	30.38
17	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	21/12/2009	Phạm Viết Chánh	35.63
18	VÕ THỊ YẾN LINH	Nữ	13/10/2009	Châu Hòa	47.3
19	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	17/8/2009	Phong Năm	37.68
20	VÕ NGỌC QUỲNH MAI	Nữ	20/10/2009	Châu Hòa	46.95
21	NGUYỄN NGỌC DIỄM MY	Nữ	17/12/2009	Lương Quới	36.63
22	TRẦN HUỖNH THANH NGÂN	Nữ	4/6/2009	Châu Hòa	47.63
23	LÊ PHẠM NHƯ' NGỌC	Nữ	3/11/2009	Phạm Viết Chánh	35.71
24	MAI THÀNH NHÂN	Nam	22/9/2009	Phong Năm	42
25	NGUYỄN THỊ XUÂN NHI	Nữ	14/10/2009	Lương Quới	34.78
26	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	28/9/2009	Moncada	52.75
27	LÝ THỊ NGỌC NHƯ'	Nữ	8/2/2009	Moncada	44.28
28	NGUYỄN TRƯỜNG PHÁT	Nam	8/9/2009	Lương Quới	46.75
29	PHẠM TẤN PHÚ	Nam	4/7/2009	Lương Quới	46.48
30	DƯƠNG THỊ KIỀU PHƯƠNG	Nữ	13/5/2009	Châu Hòa	42.95
31	TRẦN PHAN MINH QUỐC	Nam	4/3/2008	THCS Châu Hòa	35.55
32	THÁI GIA SƠN	Nam	22/5/2009	Moncada	33.1
33	NGUYỄN NHẬT TÂN	Nam	20/11/2009	Phong Năm	31.7
34	VÕ LÊ KHIẾT TƯỜNG	Nữ	15/7/2024	Moncada	45.08
35	NGUYỄN BẢO THY	Nữ	7/9/2009	Châu Hoà	37.73
36	LÊ TRƯỜNG THỊNH	Nam	19/8/2009	Châu Hòa	41.9
37	NGUYỄN YẾN THƠ	Nữ	23/9/2009	Lương Quới	43.15
38	TRƯƠNG THỊ ANH THƯ'	Nữ	10/2/2009	Châu Bình	40.6
39	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	12/7/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	26.75
40	NGUYỄN HOÀNG HỮU TRỌNG	Nam	9/8/2008	Lương Phú	28.83
41	TRẦN LÊ XUÂN VIỆT	Nam	28/8/2024	Phong Năm	30.32
42	TRẦN QUANG VINH	Nam	9/10/2009	Lương Quới	43.35
43	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	21/10/2009	Phạm Viết Chánh	30.85
44	TRẦN KHÁNH VY	Nữ	14/8/2009	Phạm Viết Chánh	38.15
45	NGUYỄN PHẠM XUÂN YẾN	Nữ	28/12/2009	Phạm Viết Chánh	46.1



HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Nhị

DANH SÁCH LỚP 10A3 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH2): Vật lý, Hóa học, Thiết kế và công nghệ, Tin học

Cụm chuyên đề: Toán, Vật lý, Hóa học

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	TRẦN NGUYỄN HOÀI AN	Nam	29/4/2009	Châu Hoà	44.95
2	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	16/8/2009	Phong Nẫm	35
3	NGUYỄN CHÍ BẢO	Nam	22/12/2009	Phong Nẫm	28.15
4	HÀ NGUYỄN MINH CHÂU	Nam	7/12/2009	Lương Quới	45.25
5	NGUYỄN TUẤN DŨNG	Nam	15/12/2009	Hưng Lễ	27.4
6	HUỲNH KỶ DUYÊN	Nữ	15/7/2009	Châu Hòa	35.23
7	PHẠM TẤN ĐẠT	Nam	26/10/2009	Phong Nẫm	38.7
8	NGUYỄN MINH ĐĂNG	Nam	26/10/2009	Châu Hòa	31.29
9	HUỲNH THỊ NGỌC HÀ	Nữ	20/3/2009	Lương Quới	39.7
10	BÙI THỊ NGỌC HÂN	Nữ	20/6/2009	Phong Nẫm	50.2
11	LÊ THÀNH HIẾU	Nam	10/5/2009	Phong Nẫm	40.18
12	BÙI TRỌNG HUY	Nam	12/10/2009	Mocada	25.58
13	NGÔ TUẤN HUY	Nam	21/8/2009	Phong Nẫm	36.03
14	LÊ THANH HƯNG	Nam	28/11/2009	Phong Nẫm	33.73
15	HỒ PHƯƠNG HOÀNG KHANG	Nam	4/6/2009	Phong nẫm	42.58
16	HÒA PHƯƠNG KHÁNH	Nữ	2/9/2009	Phạm Viết Chánh	31.45
17	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	11/9/2009	Châu Hoà	42.8
18	NGUYỄN HOÀNG DUY LONG	Nam	2/10/2009	Phạm Viết Chánh	27.73
19	TRẦN THIÊN LỘC	Nam	1/2/2009	Lương Quới	36.23
20	PHẠM GIA MINH	Nam	3/9/2009	Lương Quới	47.19
21	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	Nữ	22/9/2009	Phạm Viết Chánh	38.43
22	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/4/2009	Phạm Viết Chánh	38.35
23	LÊ BÌNH THANH NGUYỄN	Nam	29/8/2009	Phong Nẫm	34.93
24	PHAN THIÊN NHÂN	Nam	31/8/2009	Phạm Viết Chánh	25.75
25	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	9/12/2009	Thuận Điền	27.58
27	NGUYỄN THỊ THIÊN NHƯ	Nữ	2/2/2009	Châu Hoà	35.38
26	VĂNG LÂM QUỲNH NHƯ	Nữ	10/8/2009	THCS Phạm Viết Chánh	37.98
28	PHÙNG TIẾN PHÁT	Nam	17/3/2009	Lương Quới	29.55
29	NGUYỄN BẢO PHÚC	Nam	14/11/2009	Châu Hoà	38.23
30	HUỲNH NGỌC LAN PHƯƠNG	Nữ	21/6/2009	Lương Quới	31.2
31	NGUYỄN THIÊN QUÝ	Nam	23/4/2009	Châu Hoà	41.25
32	NGUYỄN PHÁT TÀI	Nam	28/1/2009	Phạm Viết Chánh	45.05
33	TRƯƠNG DUY TÍN	Nam	5/10/2009	Lương Quới	39.55
34	VÕ TẤN THÀNH	Nam	19/12/2009	Phong Nẫm	31.38
35	NGUYỄN THỊ BẢO THỊ	Nữ	2/8/2009	Phạm Viết Chánh	30.8
36	TRẦN NGỌC THIÊN	Nam	27/8/2009	Châu Hòa	40.73
37	NGUYỄN MINH THUẬN	Nam	14/11/2009	Phong Nẫm	36.93
38	VÕ THỊ ANH THƯ	Nữ	22/12/2009	Bình Thành	31.63
39	LÊ BẢO THY	Nữ	17/11/2009	Moncada	39.85
40	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	10/12/2009	Lương Quới	42.38
41	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	19/10/2009	Lương Quới	32.58
42	ĐẶNG PHÚ VINH	Nam	30/8/2009	Phong Nẫm	40.9
43	BÙI HỒ THẢO VY	Nữ	14/11/2009	Lương Quới	33.93
44	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	Nữ	3/12/2009	Lương Quới	32.45
45	TRẦN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	1/1/2009	Châu Hoà	41.2



HIỆP TRƯỞNG

Đặng Thị Nhịnh

DANH SÁCH LỚP 10A4 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH2): Vật lý, Hóa học, Thiết kế và công nghệ, Tin học

Cụm chuyên đề: Toán, Vật lý, Hóa học

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	ĐÌNH NGUYỄN MAI ANH	Nữ	2/8/2009	Bình Thành	41.25
2	ĐỖ HOÀNG ÂN	Nam	29/6/2009	Bình Thành	40.2
3	PHẠM DUY BẢO	Nam	9/11/2009	Lương Quới	42.41
4	NGUYỄN BẢO DUY	Nam	14/11/2009	Bình Thành	31.65
5	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	10/9/2009	Phạm Viết Chánh	33.4
6	TRẦN THỊ THẢO DUYỀN	Nữ	28/01/2009	Châu Hòa	29.05
7	TRẦN THANH ĐẠT	Nam	14/1/2009	Phạm Viết Chánh	45.43
8	TRẦN NGUYỄN VŨ ĐĂNG	Nam	25/5/2009	Phước Long	28.03
9	NGUYỄN KHANG HẠ	Nam	22/6/2009	Châu Hòa	39.48
10	CAO GIA HÂN	Nữ	18/8/2009	Bình Thành	48.85
11	NGUYỄN HỒ MINH HIẾU	Nam	19/7/2024	Phong Nấm	34.25
12	LÊ MINH HUY	Nam	6/5/2009	Bình Thành	38.23
13	PHẠM MINH HUY	Nam	27/5/2009	Phong Nấm	29.9
14	TRẦN THỊ MỸ HƯƠNG	Nữ	11/1/2009	Moncada	44.08
15	LÊ HOÀNG VƯƠNG KHANG	Nam	19/12/2009	Lương Quới	30.38
16	HỒ ANH KHOA	Nam	9/12/2009	Phong Nấm	32.83
17	NGUYỄN THỊ NGỌC KHUÊ	Nữ	19/7/2009	Châu Hòa	50.13
18	HỒ PHÚ LỘC	Nam	15/7/2009	Tân Thanh	29.38
19	HUỖNH QUỲNH MAI	Nữ	2/1/2009	Bình Thành	34.55
20	TĂNG NHỰT MINH	Nam	30/4/2009	Phạm Viết Chánh	35.9
21	TRẦN THỊ MỸ MỸ	Nữ	16/10/2009	Châu Hòa	36.18
22	DƯƠNG NGUYỄN ÁNH NGỌC	Nữ	10/11/2009	Phạm Viết Chánh	38
23	PHẠM KHÔI NGUYỄN	Nam	2/8/2009	Châu Hòa	38.45
24	NGUYỄN NGỌC NGUYỆT NHI	Nữ	7/4/2009	Phong Nấm	35.43
25	TRẦN THỊ YẾN NHI	Nữ	22/10/2009	Bình Thành	35.73
26	HUỖNH NGỌC NHƯ	Nữ	7/12/2009	Lương Quới	36.8
27	HUỖNH TUYẾT NHƯ	Nữ	7/12/2009	Lương Quới	38.9
28	TĂNG NGUYỄN HOÀNG PHÁT	Nam	25/2/2009	Phạm Viết Chánh	38.98
29	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	23/10/2009	Phong Nấm	25.6
30	TĂNG NHẬT QUANG	Nam	11/5/2009	Phạm Viết Chánh	42.93
31	NGUYỄN HOÀNG LỆ QUYÊN	Nữ	14/10/2009	Bình Thành	32.15
32	NGUYỄN THÀNH TÂM	Nam	24/9/2009	Phong Nấm	48.6
33	NGUYỄN TUẤN TÚ	Nam	12/4/2009	Lương Quới	43.9
34	NGUYỄN THỊ MINH THẢO	Nữ	19/12/2009	Moncada	52.8
35	TRẦN THỊ ANH THỊ	Nữ	11/8/2009	Châu Hòa	41.85
36	NGUYỄN CHÍ THIỆN	Nam	15/5/2009	Phong Nấm	32.85
37	LÊ THỊ MINH THƯ	Nữ	13/9/2009	Châu Hoà	36.98
38	NGUYỄN VĂN MINH THỨC	Nam	1/11/2009	Bình Thành	34.23
39	NGUYỄN TRẦN THỦY TRÂM	Nữ	21/1/2009	Phong Nấm	38.1
40	MAI NHẬT TRƯỜNG	Nam	12/5/2009	Sơn Phú	29.63
41	HUỖNH QUANG VINH	Nam	16/4/2009	Phạm Viết Chánh	38.33
42	LÊ CHÂU TƯỜNG VY	Nữ	2/12/2009	Phạm Viết Chánh	35.2
43	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	Nữ	5/3/2009	Lương Phú	26.48
44	TRẦN THỦY VY	Nữ	22/6/2009	Lương Quới	44.03

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NGUYỄN THỊ ĐỊNH
Đặng Thị Ninh

DANH SÁCH LỚP 10A5 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH2): Vật lý, Hóa học, Thiết kế và công nghệ, Tin học

Cụm chuyên đề: Toán, Vật lý, Hóa học

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	ĐỖ QUỐC ANH	Nam	18/8/2009	Châu Hoà	31.45
2	NGUYỄN THỊ BÉ AN	Nữ	11/6/2009	Bình Thành	33.05
3	NGUYỄN HỮU BẢNG	Nam	8/8/2009	Châu hòa	43.6
4	NGUYỄN THẾ DANH	Nam	10/12/2009	Châu Hoà	37.23
5	NGUYỄN ĐỒNG DUY	Nam	7/11/2009	Lương Quới	41.23
6	MAI QUỐC ĐẠT	Nam	24/6/2009	Phong Nấm	28
7	HỒ NHẢ ĐĂNG	Nam	9/4/2009	Phạm Viết Chánh	47.13
8	LÊ NHỰT ĐIỀN	Nam	5/4/2009	Phong Nấm	32.15
9	PHAN NGUYỄN CẨM HẰNG	Nữ	1/12/2009	Moncada	54.1
10	HÀ NGỌC GIA HÂN	Nữ	22/12/2009	Châu Hòa	36.43
11	TRƯƠNG THỊ MINH HIẾU	Nữ	3/5/2009	Lương Quới	48.35
12	NGÔ QUỐC HUY	Nam	3/10/2009	Phạm Viết Chánh	38.18
13	ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN	Nữ	12/10/2009	Châu Hoà	29.15
14	MAI ANH KIẾT	Nam	8/6/2009	Phạm Viết Chánh	26.98
15	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	10/7/2009	Lương Quới	34.83
16	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	5/1/2009	Phong Nấm	32.45
17	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	1/1/2009	Châu Hòa	43.15
18	NGUYỄN PHAN BÁ LỘC	Nam	12/8/2009	Lương Quới	44.55
19	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	12/7/2009	Châu Hoà	46.97
20	TRẦN NGỌC MINH	Nữ	22/8/2009	Phạm Viết Chánh	46.28
21	TRẦN HOÀI NAM	Nam	10/3/2009	Phạm Viết Chánh	36.68
22	ĐẶNG THỊ BẢO NGỌC	Nữ	28/1/2009	Phạm Viết Chánh	35.28
23	LÊ QUỐC NHÂN	Nam	2/8/2009	Trường THCS Châu	33.3
24	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	7/4/2009	Phong Nấm	36.93
25	PHẠM ĐẶNG PHƯƠNG NHI	Nữ	23/9/2009	Phong Nấm	28.93
26	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ'	Nữ	10/12/2009	Lương Quới	26.15
27	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Nữ	19/6/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	32.03
28	TRẦN HÙNG PHÁT	Nam	4/10/2009	Phạm Viết Chánh	35.8
29	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	Nam	15/3/2009	Châu Hòa	29.58
30	NGUYỄN MINH QUÂN	Nam	10/4/2009	Phạm Viết Chánh	55.05
31	TRẦN THỊ THUỶ QUYÊN	Nữ	20/9/2009	Moncada	32.15
32	TRẦN VĂN TÂM	Nam	8/9/2009	Bình Thành	29.1
33	BÙI BÍCH TUYÊN	Nữ	23/7/2009	Moncada	40.5
34	TRẦN LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	28/10/2009	Lương Quới	44.23
35	HUỲNH NGUYỄN BẢO THI	Nữ	24/9/2009	Lương Phú	34.48
36	VÕ NGUYỄN MINH THI	Nam	9/3/2009	Lương Quới	35.28
37	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	Nam	18/12/2009	Phạm Viết Chánh	28.93
38	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ'	Nữ	17/1/2009	Lương Quới	44.95
39	TRẦN ĐOÀN NHẢ TRẦN	Nữ	5/5/2009	Lương Quới	34.95
40	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	23/1/2009	Lương quới	29.73
41	NGUYỄN TRỌNG VINH	Nam	22/5/2009	Phong Nấm	37.8
42	LÊ KHÁNH VY	Nữ	2/6/2009	Lương Quới	38.48
43	NGUYỄN NGỌC NHẢ VY	Nữ	2/10/2009	Phạm Viết Chánh	26.1
44	VÕ NGỌC NGÂN VY	Nữ	21/5/2009	Lương Quới	31.98

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NGUYỄN THỊ ĐỊNH
Đặng Thị Ninh

DANH SÁCH LỚP 10A6 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH3): Vật lý, Sinh học, Địa lý, Tin học

Cụm chuyên đề: Ngữ Văn, Vật lý, Sinh học

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	THẠCH THỊ NGỌC ANH	Nữ	1/9/2008	Phạm Viết Chánh	34.83
2	TRẦN NGỌC GIA BẢO	Nam	18/12/2009	Châu Hòa	26.3
3	TRẦN NGUYỄN GIA BẢO	Nam	1/10/2009	Lương Quới	46.9
4	TRỊNH GIA BẢO	Nam	25/8/2009	Thị Trấn	28.6
5	NGUYỄN THÀNH DANH	Nam	10/5/2009	Thuận Điền	29.83
6	TRẦN KHÁNH DUY	Nam	2/7/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	26.6
7	TRẦN TẤN ĐẠT	Nam	11/7/2009	Bình thành	29.33
8	Quế Thanh Đức	Nam	28/6/2009	Châu Hòa	30.28
9	TRẦN HỒNG HẠNH	Nữ	17/8/2009	Phạm Viết Chánh	37.93
10	PHAN BẢO HÂN	Nữ	24/1/2009	Bình Thành	25.78
11	NGUYỄN GIA HUY	Nam	29/6/2009	Bình Thành	27.98
12	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	16/12/2009	Bình Thành	28.28
13	NGUYỄN NGỌC THANH HUÂN	Nữ	21/4/2009	Phạm Viết Chánh	27.78
14	TRƯƠNG MINH KIẾT	Nam	21/5/2009	Châu Bình	27.55
15	VÕ TUẤN KIẾT	Nam	4/6/2009	Bình Thành	30.30
16	NGUYỄN THÀNH KHANG	Nam	1/12/2009	Bình Thành	28.63
17	VĂN LỘC DUY KHANH	Nam	22/7/2024	Thuận Điền	32.43
18	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	Nam	10/6/2009	Phong Năm	26
19	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	1/4/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	31.63
20	LÂM TIỂU LINH	Nữ	2/2/2009	Bình Thành	25.95
21	ĐẶNG QUANG LỘC	Nam	23/1/2009	Châu Hoà	32.65
22	VÕ TẤN LỘC	Nam	1/1/2009	Phong Năm	28.45
23	PHẠM HỒ QUÊ MINH	Nữ	17/9/2009	Châu Hòa	27.08
24	TRẦN THỊ KIM NGÂN	Nữ	24/2/2009	Thị Trấn-Giồng Trôm	30.85
25	ĐẶNG THỊ ĐỒNG NHI	Nữ	28/7/2009	Châu Hoà	32.23
26	NGUYỄN NGỌC NHI	Nữ	11/10/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	29.83
27	DƯƠNG TIỂU PHỤNG	Nữ	22/10/2009	Phong Năm	30.75
28	THÁI KIM PHỤNG	Nữ	12/12/2009	Châu Bình	25.50
29	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	Nam	18/7/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	27.6
30	NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	24/1/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	30.38
31	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	12/12/2009	Phạm viết chánh	27.33
32	TRẦN NGUYỄN THANH QUỐC	Nam	1/6/2009	Thuận Điền	26.58
33	NGUYỄN PHÚ QUÝ	Nam	26/5/2009	Phạm Viết Chánh	27.53
34	NGUYỄN GIẢNG MINH TUẤN	Nam	23/3/2009	Thị Trấn	31.8
35	THẠCH LÊ ÁNH TUYẾT	Nữ	8/8/2009	Phong Năm	34.65
36	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/11/2009	Bình Thành	28.55
37	NGUYỄN PHÚC THIÊN	Nam	4/9/2009	Châu Hòa	35.48
38	TRẦN ĐÌNH PHÚC THỊNH	Nam	4/12/2009	Châu Bình	30.83
39	NGUYỄN DUY TRỌNG	Nam	24/5/2009	Lương Quới	37.13
40	BÙI THỊ ANH TRÚC	Nữ	27/10/2009	Bình Thành	27.48
41	HUỲNH THỊ THANH TRÚC	Nữ	6/2/2009	Châu Hòa	35.65
42	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	Nam	24/6/2009	Châu Hòa	25.8
43	NGÔ QUỐC VINH	Nam	27/7/2024	THCS Châu Bình	25.85
44	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	7/2/2009	Moncada	34.48
45	NGUYỄN KIM YẾN	Nữ	10/3/2009	Bình Thành	29.13
46	NGUYỄN TRẦN NGỌC NGÂN	Nữ	9/11/2009	Châu Hòa	28.25
47	TRẦN NGUYỄN KHÁNH HẢO	Nam	3/5/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	32.18
48	PHAN THỊ LAN NGỌC	Nữ	11/3/2009	Châu Bình	28.53

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NGUYỄN THỊ ĐÌNH
Đặng Thị Nhinh

DANH SÁCH LỚP 10A7 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH4): Vật lý, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học

Cụm chuyên đề: Ngữ Văn, Toán, Vật lý

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	LÊ THỊ MỸ AN	Nữ	18/3/2009	Lương Phú	34.48
2	PHẠM MINH ANH	Nữ	24/2/2009	Lương Quới	26.4
3	VÕ LÊ HỒNG ANH	Nữ	19/9/2009	Phong Năm	32.53
4	HUỖNH THỊ TIỂU BĂNG	Nữ	1/5/2009	Lương Quới	28.9
5	TRẦN THỊ NGỌC CHÂU	Nữ	12/4/2009	Lương Quới	27.15
6	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỄM	Nữ	2/7/2009	Lương Quới	38.33
7	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	9/11/2009	Phong Năm	27.08
8	LÊ MINH ĐẠT	Nam	18/12/2009	Châu Hoà	26,65
9	NGUYỄN PHAN THANH ĐIỀN	Nam	30/3/2009	Lương Quới	32.63
10	VÕ HỮU GIANG	Nam	23/1/2009	Lương Quới	26.4
11	NGUYỄN THỊ BÉ HẠNH	Nữ	24/2/2009	Lương Phú	29.88
12	TRẦN GIA HÂN	Nữ	4/3/2009	Phong Năm	38.85
13	ĐÀO TRỌNG HIẾU	Nam	31/1/2009	Lương Quới	28.70
14	LÊ HÀ ANH HUY	Nam	1/1/2009	Châu Hoà	26.1
15	PHAN THANH HUY	Nam	17/2/2009	Lương Quới	30.68
16	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	Nữ	30/5/2009	Châu Hòa	26.73
17	PHẠM QUỐC VƯƠNG KHANG	Nam	25/8/2009	Hoàng Lam	27.53
18	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHOA	Nam	21/9/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	26,35
19	BÙI HOÀNG LAM	Nam	19/6/2009	Bình Thành	29.8
20	HUỖNH THANH LIÊM	Nam	19/2/2009	Bình Thành	36.58
21	NGUYỄN QUỲNH NGỌC MAI	Nữ	24/4/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	28.08
22	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	8/1/2009	Châu Hòa	34.63
23	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	28/1/2009	Lương Quới	31.15
24	VÕ LÊ THANH NGÂN	Nữ	8/1/2009	Châu Hoà	34.68
25	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	5/1/2009	Phạm viết chánh	26.6
26	NGUYỄN THỊ KIỀU NGUYỄN	Nữ	10/4/2009	THCS Bình Thành	30.53
27	PHẠM THỊ THANH NHÂN	Nữ	20/6/2009	Phạm viết chánh	25.93
28	HÀ HUỖNH YẾN PHA	Nữ	23/11/2009	Phong Năm	30.93
29	VÕ THANH PHI	Nam	2/6/2009	Châu Hoà	25.35
30	NGUYỄN HÀ BẢO PHÚC	Nam	3/5/2009	Châu Hòa	30.83
31	NGUYỄN QUỐC QUANG	Nam	16/6/2009	Moncada	26.08
32	NGUYỄN THỊ MỸ QUYÊN	Nữ	23/10/2009	Châu Bình	30.95
33	VÕ PHẠM NHƯ' QUỲNH	Nữ	24/5/2009	Châu Bình	30.65
34	HUỖNH TẤN TÀI	Nam	27/10/2009	Moncada	30.1
35	LÊ NGUYỄN TUYẾT TÂM	Nữ	4/3/2009	Châu Hòa	38.3
36	TRẦN THỊ MỸ TIỀN	Nữ	13/5/2009	Phạm Viết Chánh	41.88
37	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	17/4/2009	Moncada	34.38
38	LÊ THỊ NGỌC THẨM	Nữ	17/2/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	30.55
39	BÙI NGUYỄN NGỌC THƠ	Nữ	11/7/2009	Lương Phú	30.3
40	TRẦN MINH THU'	Nữ	25/11/2009	Lương Quới	32.35
41	ĐOÀN BẢO TRẦN	Nữ	17/5/2009	Moncada	36.9
42	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	Nữ	16/1/2009	Phạm Viết Chánh	31.1
43	TRẦN NHỰT TRƯỜNG	Nam	13/1/2009	Châu Hòa	25.35
44	NGUYỄN DƯƠNG TƯỜNG VY	Nữ	5/12/2009	Bình Thành	34.85
45	PHAN LÊ VY	Nữ	28/9/2009	Phong Năm	41.5
46	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Nữ	5/4/2009	Châu Hòa	33.63

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ ĐỊNH
Đặng Thị Ninh

DANH SÁCH LỚP 10A8 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH4): Vật lý, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học
Cụm chuyên đề: Ngữ Văn, Toán, Vật lý
GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	NGUYỄN NGỌC MINH AN	Nữ	3/12/2009	Lương Quới	37.13
2	PHAN NGUYỄN TRÂM ANH	Nữ	13/4/2009	Châu Hoà	28.63
3	VÕ TẤN ANH	Nam	18/9/2009	Châu hoà	34.23
4	TRẦN MINH CẢNH	Nam	21/8/2009	Châu Bình	25.63
5	TRƯƠNG THỊ BẢO CHÂU	Nữ	22/5/2009	Lương Quới	32.45
6	DƯƠNG NGỌC DIỆP	Nữ	8/4/2009	Moncada	26.9
7	TRẦN HOÀNG DUY	Nam	30/8/2009	Lương Quới	29
8	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	11/1/2009	Lương Quới	26.10
9	THÁI PHAN HOÀNG ĐỨC	Nam	21/1/2009	Châu Hoà	36.03
10	NGUYỄN NGỌC GIÀU	Nữ	6/11/2009	Lương Phú	29.83
11	HUỖNH NHỰT HẢO	Nam	2/5/2009	Phong Nẫm	37.75
12	TRƯƠNG THỊ KIỀU HÂN	Nữ	12/10/2009	Moncada	39.33
13	NGUYỄN HOÀNG HIẾU	Nam	3/5/2024	Lương Phú	27.33
14	NGUYỄN PHAN KIẾN HUY	Nam	18/12/2009	Phong Nẫm	36.65
15	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	27/3/2009	Châu Hòa	26.85
16	HUỖNH NGUYỄN TUẤN KHANG	Nam	8/6/2009	Lương Phú	33.75
17	PHAN DUY KHÁNH	Nam	23/3/2009	Moncada	31
18	MAI NHẬT ĐĂNG KHÔI	Nam	14/1/2009	Moncada	32.33
19	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG LAM	Nữ	26/8/2009	Châu Bình	32.2
20	PHAN NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	4/11/2009	Châu Hoà	30.38
21	NGUYỄN THỊ DIỄM MI	Nữ	7/4/2009	Châu Bình	29.98
22	BÙI NGUYỄN NGỌC MỸ	Nữ	30/1/2009	Moncada	36.78
23	PHẠM THUY NGÂN	Nữ	29/4/2009	Phạm Viết Chánh	41.63
24	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG NGHI	Nữ	28/6/2009	Châu Bình	30.38
25	NGUYỄN THANH NGỌC	Nữ	29/12/2009	Châu Hoà	26.48
26	HUỖNH TẤN NGUYỄN	Nam	9/12/2009	Lương Quới	32.55
27	VÕ NGỌC NHÂN	Nam	5/12/2009	Bình Thành	29.55
28	ĐOÀN MINH PHÁT	Nam	24/9/2009	Phong Nẫm	34.38
29	NGUYỄN VIỆT PHONG	Nam	4/12/2009	Lương Phú	26.4
30	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	29/1/2009	Châu Bình	31.36
31	TRẦN MINH QUÂN	Nam	5/4/2009	Châu Hoà	26.83
32	PHAN NHẢ QUYÊN	Nữ	11/9/2008	Châu Hoà	30.65
33	CHÂU NGỌC SANG	Nam	3/6/2009	Châu Bình	30.7
34	LÊ HOÀI TÂM	Nam	28/3/2009	Sơn Phú	29.35
35	NGUYỄN THỊ TÂM	Nữ	21/8/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	26, 25
36	ĐÀO CÔNG TIẾN	Nam	1/2/2009	Phạm Viết Chánh	39.88
37	NGUYỄN HUỖNH PHƯƠNG THẢO	Nữ	5/2/2009	Bình Thành	28.85
38	LÊ QUỐC THIỆN	Nam	26/11/2009	Châu Bình	27.83
39	ĐẶNG TRƯƠNG MINH THƠ	Nữ	19/3/2009	Lương Quới	32.93
40	LÊ NGỌC HOÀI THƯƠNG	Nữ	29/5/2009	Phong Nẫm	36.53
41	LÊ THỊ HUYỀN TRẦN	Nữ	13/4/2009	Châu bình	31.9
42	NGUYỄN HỒNG TRÚC	Nữ	23/9/2009	Châu Hòa	35.18
43	NGUYỄN HỮU VINH	Nam	9/5/2009	Châu Bình	26.48
44	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	11/5/2009	Phạm Viết Chánh	26.1
45	TRẦN THỊ THÚY VY	Nữ	16/8/2009	Moncada	26.65



DANH SÁCH LỚP 10A9 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH4): Vật lý, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học

Cụm chuyên đề: Ngữ Văn, Toán, Vật lý

GDTC: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	GIỚI TÍNH	NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	ĐẶNG DUY ANH	Nam	4/4/2009	Châu Hòa	33.65
2	TRẦN HÀ ANH	Nữ	12/11/2009	Châu Hòa	29.5
3	PHẠM DUY BẢO	Nam	13/9/2009	Sơn Phú	30.93
4	TRẦN NGUYỄN HÒA CHÂU	Nữ	19/10/2009	Lương Quới	37.43
5	NGUYỄN ĐÌNH DANH	Nam	1/2/2009	Phạm Viết Chánh	31.15
6	BÙI CHÍ DŨNG	Nam	21/11/2009	Bình Thành	29.35
7	ĐỖ TẤN ĐẠT	Nam	9/6/2009	Phạm Viết Chánh	25.9
8	NGUYỄN VÕ MINH ĐĂNG	Nam	2/9/2009	Châu Hòa	26.75
9	ĐẶNG NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	14/2/2009	Lương Quới	27, 83
10	TRẦN ĐỒNG HẢI	Nam	19/9/2009	Phong Nấm	32.38
11	NGUYỄN VÕ NGỌC HÂN	Nữ	27/4/2009	Phạm Viết Chánh	39.95
12	NGUYỄN MỸ HIỀN	Nữ	18/4/2009	Hưng Nhượng	27.1
13	LÊ GIA HUY	Nam	18/7/2009	Phạm Viết Chánh	28.3
14	NGUYỄN MỸ HƯƠNG	Nữ	18/4/2009	Hưng Nhượng	37.25
15	TRẦN TUẤN KIẾT	Nam	13/5/2009		33.88
16	NGUYỄN THỜI KHANG	Nam	27/3/2009	Châu Hòa	33.63
17	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	7/10/2009	Châu Bình	28.68
18	LÊ CÁT NHƯ' KHUÊ	Nữ	9/12/2009	Lương Quới	28.86
19	NGUYỄN THANH LÂM	Nam	18/4/2009	Phong nãm	28.73
20	LÊ THỊ PHƯƠNG MAI	Nữ	16/8/2009	Mocada	27.78
21	HỒ THỊ THẢO MY	Nữ	16/4/2009	Lương Phú	26.29
22	LÊ HOÀNG NGÂN	Nữ	8/7/2009	Lương Quới	27.35
23	TRẦN THỊ TRÚC NGÂN	Nữ	5/2/2009	Phong Nấm	26.85
24	NGÔ NHƯ' NGỌC	Nữ	18/6/2009	Bình Thành	35.6
25	PHAN HUỲNH HOÀI NGỌC	Nam	19/7/2009	Thị Trấn	30.55
26	NGUYỄN HỮU NGƯNG	Nam	29/7/2024	Châu Bình	27.02
27	TRƯƠNG HUỲNH NHƯ'	Nữ	13/12/2009	Bình Thành	30.73
28	TRƯƠNG TẤN PHÁT	Nam	5/10/2009	Châu Hòa	26.58
29	CAO HỒ TẤN PHÚC	Nam	15/11/2009	Thuận Điền	40.75
30	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG	Nữ	4/10/2009	Phong Nấm	38.68
31	ĐÌNH THỊ THẢO QUYÊN	Nữ	24/6/2009	Phong Nấm	38.73
32	THÁI KIM TÚ QUỲNH	Nữ	2/7/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	32.43
33	VÕ HỒ THÁI SƠN	Nam	12/3/2009	Châu Hòa	33.32
34	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Nam	28/9/2009	Châu Hoà	27.23
35	NGUYỄN NGỌC CẨM TIẾN	Nữ	16/11/2009	Lương Phú	32.55
36	DIỆP NGUYỄN KIM TUYẾN	Nữ	17/5/2009	Châu Bình	30.6
37	PHAN THANH THẢO	Nữ	20/7/2009	Lương Quới	41.13
38	TÔ TRẦN TOÀN THỊNH	Nam	6/1/2009	Châu Hòa	35.43
39	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	26/2/2009	Phong Nấm	34.38
40	NGUYỄN PHAN HUYỀN TRÂM	Nữ	19/1/2009	Phạm Viết Chánh	32.18
41	PHẠM THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	6/12/2009	Bình Thành	28.83
42	HUỲNH NHỰT TRƯỜNG	Nam	6/6/2009	Lương Quới	25.68
43	LƯƠNG LAN VY	Nữ	23/6/2009	Châu Hòa	26.25
44	PHẠM THỊ KIM VY	Nữ	7/6/2009	Châu Hòa	34.9
45	NGÔ MỸ YẾN	Nữ	7/7/2009	Bình Thành	29.63

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ ĐỊNH
HIỆU TRƯỞNG
Đặng Thị Nhịnh

DANH SÁCH LỚP 10A10 NĂM HỌC 2024-2025

Tổ hợp môn học lựa chọn (TH4): Vật lý, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học

Cụm chuyên đề: Ngữ Văn, Toán, Vật lý

GDTG: Cầu lông

TT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH		NĂM SINH	TRƯỜNG THCS	TỔNG ĐIỂM
1	NGUYỄN NGỌC KIM ANH	Nữ	20/9/2009	Lương Phú	32.58
2	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	9/3/2009	Phong Nẫm	30.58
3	NGUYỄN PHÚC BẢO	Nam	11/11/2009	Phạm Viết Chánh	26.68
4	ĐỖ BẢO CHÂU	Nữ	30/9/2009	Lương Quới	46.75
5	LÊ THỊ MỸ CHI	Nữ	5/11/2009	Lương Quới	34.18
6	PHAN NGỌC DIỆP	Nữ	23/12/2009	Lương Quới	32.65
7	NGUYỄN LÊ MỸ DUYÊN	Nữ	16/5/2009	Phong Nẫm	30.98
8	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	19/2/2009	Lương Quới	35.83
9	CAO THÀNH ĐƯỢC	Nam	31/5/2009	Châu Hòa	28.98
10	NGUYỄN THANH HÀ	Nữ	17/12/2009	Phong Nẫm	31.98
11	NGUYỄN LÊ MỸ HÂN	Nữ	31/3/2009	Phong Nẫm	32,73
12	HÀ NGUYỄN KIM HIỀN	Nữ	5/5/2008	Phạm Viết Chánh	30.43
13	NGUYỄN PHI HÙNG	Nam	5/6/2024	Châu Hòa	40.8
14	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	23/3/2009	Moncada	28.3
15	PHẠM NGUYỄN TRUNG KIẾN	Nam	25/4/2009	Sơn Phú	29đ
16	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	11/12/2009	Lương Phú	26.98
17	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	13/12/2009	Moncada	27.08
18	NGUYỄN TUẤN KHÔI	Nam	12/11/2009	Bình Thành	27.38
19	NGUYỄN TƯỜNG LAM	Nữ	25/11/2009	Moncada	35.33
20	LÊ HẢI LÝ	Nữ	19/3/2009	Bình Thành	34.55
21	NGUYỄN TRẦN HOÀNG MINH	Nam	14/6/2009	Lương Phú	29.53
22	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	Nữ	20/12/2009	Thị Trấn	31.8
23	TRẦN NGUYỄN THU NGÂN	Nữ	8/12/2009	Phong Nẫm	35.95
24	NGUYỄN VĂN TRỌNG NGHĨA	Nam	10/7/2009	Châu Hòa	28.2
25	NGUYỄN THỊ HUỲNH NGỌC	Nữ	6/5/2009	Châu Hòa	26.98
26	LƯƠNG THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	17/8/2009	Moncada	31.43
27	NGUYỄN LÊ YẾN NHI	Nữ	25/9/2009	Phạm Viết Chánh	32.68
28	NGUYỄN TẤN PHÁT	Nam	22/1/2009	Lương Phú	29.85
29	VÕ HOÀNG PHÚ	Nam	26/10/2009	moncada	36.55
30	TÔ HOÀNG PHÚC	Nam	30/1/2009	Phong Nẫm	25.43
31	TRƯƠNG ANH QUÍ	Nam	7/9/2009	Châu Hòa	36.35
32	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	14/8/2009	Phong Nẫm	47.15
33	NGUYỄN HOÀNG SƠN	Nam	30/12/2009	Phong Nẫm	28.55
34	TRẦN THANH TÀI	Nam	27/7/2009	Phạm Viết Chánh	30.33
35	NGÔ NGỌC TIỀN	Nữ	12/9/2009	Thị Trấn Giồng Trôm	30.5
36	HỒ PHƯỚC TOÀN	Nam	20/1/2009	Lương Phú	27.5
37	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	Nữ	20/2/2009	Châu Hòa	31.48
38	TRẦN MINH THIÊN	Nam	4/5/2009	Phạm Viết Chánh	26.45
39	NGUYỄN HỒNG THUẬN	Nam	31/12/2009	Phong Nẫm	28.95
40	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	6/12/2009	Moncada	27.65
41	NGUYỄN THỊ NGỌC TRẦN	Nữ	4/6/2009	Lương Quới	26.00
42	NGUYỄN TRUNG TRỰC	Nam	10/6/2009	Lương Quới	30.9
43	NGUYỄN PHÚC VINH	Nam	26/6/2009	Châu Hòa	26.35
44	NGUYỄN THANH VY	Nữ	23/1/2009	Châu Bình	31.98
45	TRẦN THỊ NHƯ Ý	Nữ	17/1/2009	Bình Thành	28.75

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ ĐỊNH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NGUYỄN THỊ ĐỊNH
SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO BẾN TRE
Đang Thị Nhịnh